

TP Thanh Hoá, ngày 27 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án KDTM thụ lý số: 09/2021/ TLST – KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: M Khai, phường N, Quận B, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị T – Nhân viên xử lý nợ ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: P, phường P, quận H, TP Hà Nội

Bị đơn: Anh Lê Xuân T2, sinh năm 1970

Chị Lê Thị H, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Đ, phường Đ, thành phố T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngân hàng TMCP A và anh Lê Xuân T2, chị Lê Thị H đều thống nhất về thời hạn vay, thời điểm ký hợp đồng, nội dung hợp đồng, khoản tiền vay, thời hạn trả nợ, mục đích vay, khoản tiền anh T2 chị H đã trả cho Ngân hàng TMCP A, khoản tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số BTU.CN. 784.190619 ngày 19/6/2019.

Về số tiền còn nợ: Tính đến 10 giờ, ngày 17/12/2021 tổng số tiền anh T2, chị H còn nợ ngân hàng TMCP A, là 290.484.436 đồng (Hai trăm chín mươi triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng). Trong đó tiền gốc là 235.000.000đ (Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng), tiền lãi 55.484.436 đồng (lãi trong hạn: 2.434.027đồng; lãi quá hạn: 52.799.671đồng; lãi phạt chậm trả lãi: 250.738đồng).

Về phương án trả nợ: Anh Lê Xuân T2 và chị Lê Thị H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP A số tiền còn nợ như sau:

- Ngày 30/3/2022 anh T2, chị H trả 50.000.000đồng tiền gốc.
- Ngày 30/6/2022 anh T2, chị H trả 185.000.000đồng tiền gốc và 55.484.436 đồng tiền lãi, đồng thời anh T2, chị H phải tiếp tục trả tiền phạt chậm trả lãi, trả lãi phát sinh tính từ ngày 18/12/2021 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số BTU.CN. 784.190619 ngày 19/6/2019 cho đến khi thanh toán hết số tiền gốc cho Ngân hàng .

Nếu anh T2, chị H vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào như đã cam kết thì Ngân hàng TMCP A có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay trên là Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 169, tờ bản đồ số 19, địa chỉ phố B, phường Đ, thành phố T được UBND thành phố T cấp ngày 19/5/2016 mang tên ông Lê Xuân T2 và bà Lê Thị H số Giấy chứng nhận CD010014 số vào sổ cấp GCN: CH 02706/3494/QĐ- UBND để thi hành toàn bộ khoản nợ còn lại.

Về án phí: Anh T2, chị H phải chịu 7.262.110 đồng án phí KDTM.

Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 8.816.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001331 ngày 29/10/2021.

Người phải thi hành án và người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt